

Bản án số: 76/2025/HS-PT

Ngày: 16/8/2025.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Minh Tuấn

*Các Thẩm phán:* Bà Lê Thị Hồng Phương

Bà Vũ Thị An

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Khánh Tùng – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:**  
Bà Dương Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 39/2025/TLPT-HS ngày 26 tháng 5 năm 2025, do có kháng cáo của bị cáo Nông Văn M và các bị cáo khác đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2025/HS-ST ngày 22/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thái Nguyên).

***Các bị cáo có kháng cáo:***

**1.** Nông Văn M, sinh ngày 26 tháng 01 năm 1983; Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố số E, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang (nay là xã S, tỉnh Bắc Ninh); Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố X, phường C, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường S, tỉnh Thái Nguyên); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: Sán diu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Tiến V và bà Trần Thị K; Có vợ là Hứa Thị G và có 01 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định số 1615/QĐ-XPHC ngày 29/8/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố S, tỉnh Thái Nguyên xử phạt M số tiền 15.000.000 đồng về hành vi Làm chủ lô, số đề.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/12/2023 đến ngày 29/12/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Phạm Thị T, sinh ngày 15 tháng 7 năm 1976; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ D, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường S, tỉnh Thái Nguyên); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Ngọc Q (đã chết) và bà Lê Thị T1; Có chồng là Trần Văn T2 (đã chết) và có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 97/QĐ-XPVPHC ngày 28/8/2024 của Công an thành phố S, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Thuỷ số tiền 3.500.000 đồng về hành vi Bán số lô, số đề giao lại cho người khác để hưởng hoa hồng.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh. (Có mặt tại phiên toà)

3. Trần Thị T3, sinh ngày 30 tháng 8 năm 1965; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ B, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường S, tỉnh Thái Nguyên); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T4 (đã chết) và bà Đinh Thị C (đã chết); Có chồng là Phạm Văn T5 (đã chết) và có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 24 ngày 30/8/2010 của Công an phường P, TP ., T. T về hành vi Đánh bạc, mức phạt 1.000.000 đồng (chấp hành xong ngày 30/8/2010).

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh. (Có mặt tại phiên toà)

4. Lê Thị H, sinh ngày 15 tháng 9 năm 1959 tại thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố H, phường H, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường P, tỉnh Thái Nguyên); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Hồng D (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; Có chồng là Hoàng Trung D1 và có 01 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 17/10/1997, bị Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 300.000 đồng về hành vi Sử dụng lao động nữ không có hợp đồng lao động.

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 98/QĐ-XPVPHC ngày 28/8/2024 của Công an thành phố S, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Hiên số tiền 350.000 đồng về hành vi Mua các số lô, số đề.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh. (Có mặt tại phiên toà).

5. Dương Công K1, sinh ngày 20 tháng 02 năm 1972; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã T, tỉnh Thái Nguyên); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Công T6 (đã chết) và bà Dương Thị Ổ (đã chết); Có vợ là Đồng Thị N và có 01 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 108 ngày 19/12/2005, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xử phạt bị cáo 5 năm tù về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy và 06 tháng tù về tội Trốn khi đang bị dẫn giải.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 244 ngày 12/6/2012 của Công an phường Đ, thành phố T xử phạt bị cáo 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 99 ngày 14/7/2015 của Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn xử phạt bị cáo 1.500.000 đồng về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 290822 ngày 08/9/2015 của Công an huyện Đ, thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo 3.000.000 đồng về hành vi Sử dụng vũ khí không có giấy phép.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 92/QĐ-XPVPHC ngày 28/8/2024 của Công an thành phố S, tỉnh Thái Nguyên xử phạt số tiền 350.000 đồng về hành vi Mua các số lô, số đề.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh. (Có mặt tại phiên tòa)

**6.** Nguyễn Trung K2, sinh ngày 08 tháng 9 năm 1981; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Y, phường ba Hàng, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường P, tỉnh Thái Nguyên); Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Là Đảng viên Đ2, sinh hoạt tại Chi bộ TDP Y, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên (Đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng tại Quyết định số 182-QĐ/UBKTTU ngày 30/12/2024 của Ủy ban kiểm tra Thành ủy P); Con ông Nguyễn Văn T7 và bà Đoàn Thị H1; Có vợ là Dương Thị P và có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 96/QĐ-XPVPHC ngày 28/8/2024 của Công an thành phố S, tỉnh Thái Nguyên xử phạt K2 số tiền 350.000 đồng về hành vi Mua các số lô, số đề.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh. (Có mặt tại phiên tòa)

**7.** Nguyễn Bá H2, sinh ngày 27 tháng 7 năm 1987; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố T, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường S, tỉnh Thái Nguyên); Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Bá K3 và bà Lê Thị H3; Có vợ là Nguyễn Dương M1 và có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 83/QĐ-XPVPHC ngày 28/8/2024 của Công an thành phố S, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Hoành số tiền 3.500.000 đồng về hành vi Bán số lô, số đề giao lại cho người khác để hưởng hoa hồng.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh. (Có mặt tại phiên tòa)

**8.** Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 10 tháng 8 năm 1982; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường V, tỉnh Thái Nguyên); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Trương Thị H4; Có vợ là Phan Thị T8 và có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 93/QĐ-XPVPHC ngày 28/8/2024 của Công an thành phố S, tỉnh Thái Nguyên xử phạt S số tiền 350.000 đồng về hành vi Mua các số lô, số đề.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh. (Có mặt tại phiên tòa)

**9.** Đỗ Văn H5, sinh ngày 27 tháng 8 năm 1964; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ B, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường S, tỉnh Thái Nguyên); Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ văn hoá: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Là Đảng viên Đ2 (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng tại Quyết định số 55-QĐ/UBKTTU ngày 30/12/2024 của Ủy ban kiểm tra Thành ủy S); Con ông Đỗ Văn L1 (đã chết) và bà Vũ Thị T9; Có vợ là Đào Thị H6 và có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh. (Có mặt tại phiên tòa).

**Người bào chữa cho bị cáo** Lê Thị H: Luật sư Nguyễn Đức N1 và Luật sư Vũ Văn C1, Công ty L5 – Đoàn Luật sư thành phố H (Luật sư C1 có mặt, vắng mặt Luật sư N1)

Trong vụ án này còn có các bị cáo Hoàng Thị H7, Trịnh Văn P1, Đặng Văn L2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/11/2023, Đội điều tra tổng hợp cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố S, tỉnh Thái Nguyên nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc tại cửa hàng tóc Minh Sài G1, địa chỉ ở Tổ dân phố X, phường C, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên do Nông Văn Minh (sinh năm 1983, nơi đăng ký thường trú:

TDP 5 thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang) làm chủ. M và các đối tượng khác tổ chức đánh bạc và đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề được thua bằng tiền qua tin nhắn điện thoại di động. Hồi 18 giờ 40 phút cùng ngày Tổ công tác Công an thành phố S, tỉnh Thái Nguyên kiểm tra phát hiện M đang sử dụng 02 chiếc điện thoại di động (01 điện thoại nhãn hiệu OPPO Reno 7 Z5G bên trong gắn thẻ sim số 0377735693, 01 điện thoại nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A02 gắn thẻ sim số 0352933375, để thực hiện hành vi đánh bạc trái phép. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản làm việc và thu giữ 02 chiếc điện thoại di động nêu trên và tạm giữ số tiền 1.620.000đ của Nông Văn M.

Căn cứ vào lời khai của Nông Văn M, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố S, tỉnh Thái Nguyên tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của các đối tượng có hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô số đề với M ngày 21/12/2023 cụ thể:

Hồi 21 giờ 45 phút ngày 21/12/2023 tại chỗ ở của Phạm Thị T (sinh năm 1976 địa chỉ Tổ D phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên) phát hiện tại bàn uống nước phòng khách tầng 1, T đang cầm sử dụng 01 điện thoại di động màu trắng; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7Plus màu trắng. Tạm giữ trong két sắt phòng ngủ tầng 1 của gia đình Thùy số tiền 35.000.000 đồng. Tổ công tác đã niêm phong đồ vật tạm giữ của T theo đúng quy định của pháp luật.

Hồi 15 giờ 45 ngày 23/12/2023, Cơ quan điều tra Công an thành phố S khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Trần Thị T3 (sinh năm 1965, trú tại TDP B, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên), kết quả thu giữ: Số tiền 19.000.000 đồng tiền Ngân hàng N4; 01 đầu thu và 01 dây cáp nguồn camera an ninh tại phòng lễ tân. Tổ công tác đã niêm phong đồ vật tạm giữ nêu trên của T3 theo đúng quy định của pháp luật.

Kết quả điều tra làm rõ: Từ ngày 16/11/2023 đến ngày 21/12/2023 tại thành phố S, Nông Văn M, Phạm Thị T, Trần Thị T3 có hành vi Tổ chức đánh bạc trái phép với Nguyễn Bá H2, Hoàng Thị H7, Đỗ Văn H5, Trịnh Văn P1, Đặng Văn L2, Nguyễn Trung K2, Dương Công K1, Lê Thị H, Nguyễn Ngọc S bằng hình thức sử dụng điện thoại di động nhắn tin mua bán số lô, số đề với nhau và với nhiều người khác. Quá trình đánh bạc và tổ chức đánh bạc, Nông Văn M, Phạm Thị T, Nguyễn Thị H8, Nguyễn Bá H2, Trần Thị T3 thống nhất cách thức như sau:

M sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 7 Z5G lắp sim số thuê bao 0377.735.693, điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A02 lắp số sim số thuê bao 0352.933.357; Thùy sử dụng điện thoại nhãn hiệu Sam Sung Z Flip 3, lắp sim số thuê bao 0342.054.255; H8 sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, lắp sim số thuê bao 0359.224.656; Hoàng sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8, lắp sim số thuê bao 0387.168.333; T3 sử dụng số điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, lắp sim số thuê bao 0979686101, điện thoại

thứ hai nhãn hiệu OPPO A7, lắp sim số thuê bao 0389.695.740 để mua bán số lô, số đề.

Từ ngày 16/11/2023 đến ngày 21/12/2023, Nông Văn M tổ chức đánh bạc và đánh bạc, cụ thể:

Ngày 16/11/2023, H2 đánh bạc với M là 5.300.000đ.

Ngày 17/11/2023, H2 đánh bạc với M là 4.600.000đ.

Ngày 18/11/2023, H2 đánh bạc với M là 1.190.000đ.

Ngày 19/11/2023, H2 đánh bạc với M là 5.460.000đ.

Ngày 21/11/2023, H2 đánh bạc với M là 12.400.000đ.

Ngày 22/11/2023, H2 đánh bạc với M là 10.190.000đ.

Ngày 23/11/2023, H2 mua của M là 12.500.000đ.

Ngày 24/11/2023, H2 mua của M là 8.300.000đ.

Ngày 26/11/2023, H2 mua của M là 1.100.000đ.

Ngày 27/11/2023, H2 mua của M là 3.570.000đ.

Ngày 28/11/2023, H2 mua của M là 2.200.000đ.

Ngày 29/11/2023, H2 mua của M là 2.200.000đ.

Ngày 30/11/2023, H2 mua của M là 2.290.000đ.

Ngày 02/12/2023, H2 mua của M là 2.200.000đ.

Ngày 03/12/2023, H2 mua của M là 2.470.000đ.

Ngày 04/12/2023, H2 mua của M là 360.000đ.

Ngày 05/12/2023, H2 mua của M là 2.380.000đ.

Ngày 07/12/2023, H2 mua của M là 4.940.000đ.

Ngày 08/12/2023, H2 mua của M là 2.470.000đ.

Ngày 09/12/2023, H2 mua của M là 2.200.000đ.

Ngày 10/12/2023, H2 mua của M là 2.200.000đ.

Ngày 12/12/2023, H2 mua của M là 11.480.000đ.

Ngày 13/12/2023, H2 mua của M là 3.660.000đ.

Ngày 14/12/2023, H2 mua của M là 12.760.000đ.

Ngày 16/12/2023, H2 mua của M là 1.370.000đ.

Ngày 17/12/2023, H2 mua của M là 5.100.000đ.

Ngày 18/12/2023, H2 mua của M là 2.200.000đ.

Ngày 19/12/2023, Hoàng Thị H7 mua của M là 12.359.500đ.

Ngày 20/12/2023, Nông Văn M bán số lô, số đề cho Phạm Thị T, Nguyễn Bá H2, cụ thể như sau:

+ M bán cho T các số lô là 33.889.000đ.

+ M bán cho H2 các số lô 3.660.000đ.

Tổng số tiền M đánh bạc trong ngày 20/12/2023 là 37.549.000đ.

Ngày 21/12/2023, Nông Văn M bán số lô, số đề cho Phạm Thị T, Nguyễn Bá H2 và Hoàng Thị H7, cụ thể:

+ M bán cho T là 29.041.000đ.

+ M bán cho H7 là 8.862.250đ.

+ M bán cho H2 là 4.400.000đ.

Tổng số tiền M đánh bạc trong ngày 21/12/2023 là 42.303.250đ.

M khai sau khi mua các số lô đề của Phạm Thị T, Nguyễn Bá H2, Hoàng Thị H7, M không chuyển bảng số lô số đề cho người khác M tự tính theo kết quả mở thưởng xổ số Miền bắc và trả thưởng cho người trúng số lô, số đề đã mua của M.

Từ ngày 26/9/2023 đến ngày 21/12/2023, Phạm Thị T nhiều lần đánh bạc và tổ chức đánh bạc với Đặng Văn L2 (sinh năm 1959, trú tại tổ dân phố E, phường M, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên); Dương Công K1 (sinh năm 1972, trú tại xóm Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên); Trịnh Văn P1 (sinh năm 1967, trú tại tổ dân phố A, phường T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên); Nguyễn Ngọc S (sinh năm 1982, trú tại tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên); Trần Thị T3 (sinh năm 1965, trú tại tổ B, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên) và Nguyễn Anh C2 (sinh năm 1970, trú tại tổ dân phố G, thị trấn G, huyện P, tỉnh Thái Nguyên). Quá trình đánh bạc, T bán cho L2 giá 10.000đ/1 điểm lô xiên, được trừ 10% số tiền mua, nếu trúng lô xiên 2 thì được gấp 10 lần, xiên 3 gấp 20 lần, số đề trừ 10% số tiền mua, nếu trúng thì được gấp 70 lần; bán cho K1 giá 22.000đ/1 điểm lô, nếu trúng thì được 80.000đ/1 điểm; bán cho P1 số đề trừ 15% số tiền mua, nếu trúng thì được gấp 70 lần; bán cho S giá 22.000đ/1 điểm lô, nếu trúng thì được 80.000đ/1 điểm, số đề trừ 12% số tiền mua, nếu trúng thì được gấp 80 lần; bán cho T3 giá 21.800đ/1 điểm lô, nếu trúng thì được 80.000đ/1 điểm, số đề trừ 17% nếu trúng thì được gấp 70 lần; bán cho C2 giá 22.000đ/1 điểm lô, nếu trúng thì được 80.000đ/1 điểm, số đề giá 1.000đ nếu trúng thì được 80.000đ (không trừ %). Cụ thể, các lần đánh bạc như sau:

Ngày 26/9/2023, Nguyễn Ngọc S sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng lắp số sim điện thoại số 0986.443.737 nhắn tin đến số điện thoại 0342.054.255 của T mua các số đề là 12.320.000đ.

Ngày 28/9/2023, T bán cho S các số đề là 8.800.000đ

Ngày 29/9/2023, Thùy bán cho S các số đề là 1.936.000đ.

Ngày 10/11/2023, Dương Công K1 sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A31 lắp sim số điện thoại số 0982.420.266 nhắn tin đến số điện thoại của T mua số lô, số đề số tiền là 4.532.000đ

Ngày 05/12/2023, Nguyễn Anh C2 sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung J7 lắp số thuê bao 0868.474.686 nhắn tin đến số điện thoại số 0342.054.255 của T mua số lô, số đề là 2.200.000đ.

Ngày 10/12/2023, T bán cho K1 số lô là 5.280.000đ.

Ngày 20/12/2023, Trịnh Văn P1 sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A31 lắp số sim điện thoại số 0982.420.266 mua với T các số đề với số tiền là 1.360.000đ.

Ngày 21/12/2023, T bán số lô, số đề cho 04 người gồm P1, L2, T3 và C2 cụ thể:

+ Thùy bán cho P1 các số đề là 5.164.450đ.

+ Đặng Văn L2 sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màn hình đen trắng lắp số sim số 0862.927.422 nhắn tin đến số điện thoại số sim 0342.054.255 của Thùy mua số lô, số đề là 9.596.500đ.

+ Trần Thị T3 sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 lắp số sim số 0979.686.101 và điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7 lắp sim số 0389.695.740 nhắn tin đến số 0342.054.255 của T mua các số lô, số đề, tổng số tiền đánh bạc là 25.111.450đ.

+ Thùy bán cho C2 các số đề là 2.000.000đ.

Tổng số tiền T bán số lô, số đề trong ngày 21/12/2023 là 41.872.400đ.

Sau khi bán các số lô, số đề cho các đối tượng nêu trên ngày 21 tháng 12 năm 2023, Phạm Thị T tổng hợp một phần các số lô, số đề đã bán của T mua rồi gửi tin nhắn đến số thuê bao 0377735693 của Nông Văn M mua các số lô, số đề của M là 29.041.000đ.

Từ ngày 19/12/ 2023 đến ngày 20/12/2023, Trần Thị T3 bán số lô, số đề cho Đỗ Văn H5 sinh năm 1964, trú tại tổ B, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (trong ngày 19/12/2023 và ngày 20/12/2023).

Ngày 21/12/2023 T3 bán các số lô, số đề cho Hoàng Thị N2, sinh năm 1983, trú tại tổ B, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên; Lê Văn H9, sinh năm 1963, trú tại tổ B, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên; Đỗ Xuân H10, sinh năm 1948, trú tại tổ A, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên; Hoàng Trung D1, sinh năm 1958, trú tại tổ dân phố H, phường H, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; Dương Việt N3, sinh năm 1957, trú tại tổ A, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên, một người phụ nữ khoảng 50 tuổi, bán hàng chợ Phố C3 (không rõ họ tên, địa chỉ), một người phụ nữ khoảng hơn 30 tuổi (không rõ họ tên, địa chỉ, sử dụng ID Telegram 6325161786, một người nam giới khoảng hơn 40 tuổi (không rõ họ, tên, tuổi, địa chỉ, sử dụng ID Telegram 6345187468). Ngày 21/12/2023 T3 tổng hợp các số lô, số đề và bán cho T để được hưởng tiền hoa hồng.

Quá trình đánh bạc, T3 bán cho H5 giá 23.000đ/1 điểm lô, bán cho N2 22.000đ/1 điểm lô nếu trúng lô thì được 80.000đ/1 điểm; bán cho H9, D1, N3 và H10, người phụ nữ tại chợ P2 và bệnh nhân đến mua (T3 không biết tên địa chỉ), số đề giá 1.000đ nếu trúng thì được gấp 70 lần (không trừ %), giá 23.000đ/1 điểm lô nếu trúng lô thì được 80.000đ/1 điểm. Cụ thể, các lần đánh bạc như sau:

Ngày 19/12/2023, Đỗ Văn H5 sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung A13 lắp số sim điện thoại số 0912552415 nhắn tin đến ứng dụng Zalo tên đăng nhập là “Xứ Trà” số 0389.695.740 mua của Trần Thị T3 số lô là 5.720.000đ.

- Ngày 20/12/2023, T3 bán cho H5 các số lô là 5.750.000đ.

- Ngày 21/12/2023, T3 bán số lô, số đề cho 05 người Nụ, H9, D1, H10 và N3, cụ thể:

+ T3 bán cho N2 các số lô là 440.000đ.

+ T3 bán cho H9 các số đề là 200.000đ.

+ T3 bán cho D1 các số đề là 80.000đ.

+ Toàn bán cho H10 các số đề là 145.000đ.

+ T3 bán cho N3 các số đề là 1.065.000đ.

+ Trần Thị T3 bán cho một người phụ nữ khoảng 50 tuổi (ở chợ P2 không rõ họ tên, địa chỉ) các số đề là 100.000đ.

+ Trần Thị T3 bán cho một người phụ nữ khoảng hơn 30 tuổi (không rõ họ tên, địa chỉ, sử dụng ID Telegram 6325161786) số lô 2.890.000 đ.

+ Trần Thị T3 bán cho một người nam giới khoảng hơn 40 tuổi (không rõ họ, tên, tuổi, địa chỉ, sử dụng ID Telegram 6345187468) các số đề là 17.202.500đ.

Sau khi bán các số lô, số đề cho người chơi, T3 bán lại số lô, số đề trên cho Phạm Thị T để hưởng phần trăm chênh lệch với giá 21.800đ/01 điểm lô, và 83.000đ/100.000đ tiền đề, lô xiên, ba càng. Ngày 21/12/2023, T3 đánh bạc với Thùy các số lô, số đề như sau:

Ngày 21/12/2023, T3 nhắn tin bán các số lô, số đề là 25.111.450đ.

Từ ngày 11/7/2023 đến ngày 21/12/2023, Hoàng Thị H7 sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus, màu trắng, lắp 01 sim số thuê bao 0359.224.656 nhắn tin mua bán số lô, số đề với Nguyễn Mai L3 sinh năm 1963, trú tại tổ dân phố A, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên; Hoàng Thúy H11 sinh năm 1975, trú tại tổ dân phố A, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên; Lê Thị H sinh năm 1959, trú tại tổ dân phố X, phường C, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên; Trần Đình D2, sinh năm 1963, trú tại xóm I, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. H7 bán số lô giá từ 22.000đ đến 23.000đ/1 điểm, nếu trúng thưởng thì được 80.000đ/1 điểm, bán số đề từ 85% đến 100% số tiền mua, nếu trúng đề được gấp 70 hoặc 80 lần, cụ thể như sau:

- Ngày 11/7/2023, Nguyễn Mai L3 sử dụng tài khoản Zalo “Lan H12” nhắn tin đến mua các số lô, số đề của H7 là 542.000đ.

- Ngày 12/7/2023, L3 mua của H7 các số đề là 390.000đ.

- Ngày 28/7/2023, L3 mua của H7 các số lô là 1.260.000đ.

- Ngày 13/11/2023, H11 mua của H7 các số đề là 100.000đ.

- Ngày 30/11/2023, H11 mua của H7 các số đề là 230.000đ.
- Ngày 10/12/2023, H11 mua của H7 các số đề là 50.000đ.
- Ngày 12/12/2023, H11 mua của H7 số lô là 1.070.000đ.
- Ngày 13/12/2023, H11 mua của H7 các số đề là 1.100.000đ.
- Ngày 19/12/2023, H7 nhắn tin cho M mua các số lô, số đề là 12.359.500đ.
- Ngày 20/12/2023, H7 bán số lô, số đề cho H và D2 cụ thể như sau:
  - + H7 bán cho D2 các số lô, số đề là 3.290.000đ.
  - + H7 bán cho H số đề, số lô là 5.720.000đ.

Tổng số tiền H7 đánh bạc với H và D2 trong ngày 20/12/2023 là 9.010.000đ.

- Ngày 21/12/2023, H7 bán số lô, số đề cho H và D2 cụ thể:
  - + H7 bán cho H các số lô là 4.430.000đ.
  - H7 bán cho D2 các số lô là 2.754.000đ.

Tổng số tiền H7 đánh bạc với H và D2 trong ngày 21/12/2023 là 7.184.000đ.

Sau khi bán các số lô, số đề cho người chơi, H7 bán lại số lô, số đề trên cho Nông Văn M để hưởng phần trăm chênh lệch với giá 21.500đ/01 điểm lô, và 80.000đ/100.000đ tiền đề, lô xiên, ba càng. Ngày 21/12/2023, H7 bán cho M các số lô, số đề như sau:

Ngày 21/12/2023, H7 nhắn tin cho M mua các số lô, số đề là 4.382.250đ.  
Số tiền đánh bạc H7 và M trong ngày 21/12/2023 là 8.700.750đ.

Quá trình điều tra xác định những số lô, số đề Nguyễn Bá H2 mua của Nông Văn M có một số ngày do H2 bán cho Nguyễn Trung K2 (sinh năm 1981, trú tại tổ dân phố Y, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên) chuyển lại cho M để hưởng hoa hồng. Từ ngày 18/11/2023 đến ngày 15/12/2023, H2 bán cho K2 giá 22.000đ/1 điểm lô; số đề giá 1.000đ, nếu trúng thì được gấp 80 lần (không trừ %). Từ ngày 16/12/2023 đến ngày 21/12/2023, H2 bán cho K2 giá 23.000đ/1 điểm lô, bán số đề giá như trên, cụ thể:

- Ngày 18/11/2023, H2 bán cho K2 số lô là 1.200.000đ.
- Ngày 19/11/2023, H2 bán cho K2 số lô là 5.500.000đ.
- Ngày 20/11/2023, H2 bán cho K2 số lô là 1.100.000đ
- Ngày 21/11/2023, H2 bán cho K2 các số lô là 12.400.000đ.
- Ngày 22/11/2023, H2 bán cho K2 các số lô là 6.500.000đ.
- Ngày 23/11/2023, H2 bán cho K2 các số lô là 6.400.000đ.
- Ngày 24/11/2023, H2 bán cho K2 các số lô là 4.600.000đ.
- Ngày 26/11/2023, H2 bán cho K2 số lô là 1.100.000đ.
- Ngày 27/11/2023, H2 bán cho K2 các số lô là 2.500.000đ.

- Ngày 28/11/2023, H2 bán cho K2 các số lô là 2.200.000đ
- Ngày 29/11/2023, H2 bán cho K2 các số lô là 2.200.000đ.
- Ngày 30/11/2023, H2 bán cho K2 các số lô là 2.200.000đ
- Ngày 01/12/2023, H2 bán cho K2 các số đề là 200.000đ
- Ngày 03/12/2023, H2 bán cho K2 số lô là 2.500.000đ.
- Ngày 04/12/2023, H2 bán cho K2 các số đề là 400.000đ.
- Ngày 05/12/2023, H2 bán cho K2 số lô là 2.400.000đ.
- Ngày 08/12/2023, H2 bán cho K2 các số lô là 2.500.000đ.
- Ngày 12/12/2023, H2 bán cho K2 các số lô là 11.500.000đ.
- Ngày 13/12/2023, H2 bán cho K2 các số lô là 3.700.000đ.
- Ngày 14/12/2023, H2 bán cho K2 các số lô là 12.600.000đ.
- Ngày 16/12/2023, H2 bán cho K2 số lô là 1.350.000đ.
- Ngày 18/12/2023, H2 bán cho K2 số lô là 2.300.000đ.
- Ngày 20/12/2023, H2 bán cho K2 số lô là 3.650.000đ.
- Ngày 21/12/2023, H2 bán cho K2 các số lô là 4.600.000đ.

Quá trình điều tra các bị cáo và những người tham gia đánh bạc bằng hình thức sử dụng điện thoại di động nhắn tin mua số lô số đề giao nộp vật chứng là những chiếc điện thoại sử dụng để đánh bạc.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S đã mở kiểm tra dữ liệu điện tử là số điện thoại các bị cáo bị thu giữ và giao nộp kết quả kiểm tra điện thoại xác định việc các bị cáo và những người có liên quan đánh bạc bằng hình thức nhắn tin mua số lô, số đề, kiểm tra dữ liệu điện tử là đầu thu Camera thu giữ của bị can Trần Thị T3 kết quả không có hình ảnh tài liệu liên quan đến việc bị cáo T3 đánh bạc ghi số lô số đề.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2025/HS-ST ngày 22/4/2025, Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Thái Nguyên) đã xét xử các bị cáo Nông Văn M, Phạm Thị T, Trần Thị T3 về tội “Tổ chức đánh bạc” và tội “Đánh bạc”; các bị cáo Lê Thị H, Dương Công K1, Nguyễn Trung K2, Nguyễn Bá H2, Nguyễn Ngọc S và Đỗ Văn H5 về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321 của BLHS (Đối với các bị cáo M, T, T3, H2, K2, S, K1, H, H5), khoản 1, khoản 3 Điều 322 của BLHS (Đối với các bị cáo M, T, T3); Điểm a khoản 1 Điều 51 của BLHS (Đối với các bị cáo M, T, T3, H2, K2, S, K1, H, H5); Điểm i khoản 1 Điều 51 của BLHS (Đối với bị cáo H); Điểm t khoản 1 Điều 51 của BLHS (Đối với bị cáo K1); Khoản 2 Điều 51 của BLHS (Đối với các bị cáo K1, T, K2, H5, H2); Điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS (Đối với các bị cáo M, T, H2, K2, T3, H5, S. Bị cáo M, T áp dụng điểm g đối với cả hai tội); Điều 38 của BLHS (Đối với các bị cáo M, T, T3, H2, K2, S, K1, H, H5); Điều 55 của BLHS (Đối với bị cáo M, T, T3).

### **Xử phạt:**

1. Bị cáo Nông Văn M: 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”, tổng hợp hình phạt của hai tội là 48 (Bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 24/12/2024 đến ngày 29/12/2024.

2. Bị cáo Phạm Thị T: 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Đánh bạc”, tổng hợp hình phạt của hai tội là 39 (Ba mươi chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Bị cáo Trần Thị T3: 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 10 (M2) tháng tù về tội “Đánh bạc”, tổng hợp hình phạt của hai tội là 25 (Hai mươi lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

4. Bị cáo Nguyễn Bá H2: 16 (Mười sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

5. Bị cáo Nguyễn Trung K2: 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

6. Bị cáo Nguyễn Ngọc S: 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

7. Bị cáo Dương Công K1: 07 (B) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

8. Bị cáo Đỗ Văn H5: 07 (B) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

9. Bị cáo Lê Thị H: 07 (B) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định tội danh, hình phạt đối với các bị cáo khác; xử lý vật chứng; nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/5/2025 các bị cáo Nông Văn M, Phạm Thị T, Trần Thị T3 kháng cáo xin giảm hình phạt. Trong các ngày 28, 29 và 05/5/2025, các bị cáo Lê Thị H, Dương Công K1, Nguyễn Trung K2, Nguyễn Bá H2, Nguyễn Ngọc S, Đỗ Văn H5 kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Nguyễn Ngọc S thay đổi nội dung kháng cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt, những bị cáo còn lại giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi phân tích nội dung vụ án, tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nông Văn M, Nguyễn Trung K2, Nguyễn Bá H2, giữ nguyên mức hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2025/HS-ST

ngày 22/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Thái Nguyên) đã tuyên đối với 3 bị cáo.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị T, Trần Thị T3, Nguyễn Ngọc S, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2025/HS-ST ngày 22/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Thái Nguyên) theo hướng áp dụng thêm cho bị cáo T, T3 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với cả 2 tội Đánh bạc và Tổ chức đánh bạc, giảm cho 02 bị cáo một phần hình phạt về tội Tổ chức đánh bạc; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo S, giảm cho bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

- Áp dụng điểm b khoản 1 điều 355, điểm e khoản 1 điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Công K1, Lê Thị H, Đỗ Văn H5, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2025/HSST ngày 22/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Thái Nguyên), theo hướng áp dụng thêm điểm v khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H5; khoản 2 điều 51 đối với bị cáo H; Điều 65 Bộ luật Hình sự giữ nguyên mức hình phạt tù và cho các bị cáo K1, H, H5 được hưởng án treo.

Ghi nhận các bị cáo Đỗ Văn H5 đã nộp 10.000.000đ tiền phạt bổ sung. Bị cáo Phạm Thị T đã nộp 70.000.000đ. Bị cáo Trần Thị T3 đã nộp 8.127.000đ, bị cáo Nguyễn Ngọc S đã nộp 10.200.000đ, bị cáo Lê Thị H đã nộp 13.200.000 đồng; bị cáo Dương Công K1 nộp 10.200.000đ.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với kết luận của đại diện viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, các bị cáo M, T, T3 và S xin được giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo H, K1, K2, H2, H5 xin được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của bị cáo Nông Văn M và các bị cáo khác gửi trong thời hạn và đúng theo thủ tục quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Căn cứ vào lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng tháng 11 đến tháng 12/2023 tại thành phố S, Nông Văn M, Phạm Thị T, Trần Thị T3 đã có hành vi tổ chức đánh bạc trái phép bằng hình

thức mua, bán số lô, số đề với nhiều người, với số tiền 01 lần đánh bạc là trên 20.000.000đ cụ thể như sau:

Nông Văn M có hành vi Tổ chức đánh bạc trái phép với Phạm Thị T ngày 20/12/2023 số tiền là 33.889.000đ, ngày 21/12/2023 số tiền là 29.041.000đ. Ngoài ra các ngày 16/11/2023, 19/11/2023, 21/11/2023, 22/11/2023, 23/11/2023, 24/11/2023 và ngày 12/12/2023, 14/12/2023, 17/12/2023, Nông Văn M có hành vi đánh bạc trái phép với Nguyễn Bá H2 09 lần có tổng số tiền đánh bạc từng lần đánh bạc là: 5.300.000đ, 5.460.000đ, 12.400.000đ, 10.190.000đ, 12.500.000đ, 8.300.000đ, 11.480.000đ, 12.760.000đ, 5.100.000đ. M có hành vi đánh bạc trái phép với Hoàng Thị H7 02 lần gồm: ngày 19/12/2023 số tiền là 12.359.000đ; ngày 21/12/2023 số tiền là 8.862.250đ;

Phạm Thị T có hành vi Tổ chức đánh bạc trái phép bằng hình thức mua, bán số lô, số đề với Nông Văn M ngày 20/12/2023 là 33.889.000đ; Trần Thị T3 ngày 21/12/2023 với số tiền 25.111.450đ. Ngày 21/12/2023 với Nông Văn M là 29.041.000đ (trong đó có 12.800.000đ là tiền trúng thưởng, 16.241.000đ là tiền bị cáo T chuyển bằng cho M). Ngoài ra T có hành vi đánh bạc trái phép 02 lần với Nguyễn Ngọc S, ngày 26/9/2023 với số tiền 12.320.000đ, ngày 28/9/2023 với số tiền 8.800.000đ; với Dương Công K1 ngày 10/12/2023 số tiền là 5.280.000đ; Trịnh Văn P1 ngày 21/12/2023 số tiền 5.164.000đ; Đặng Văn L2 ngày 21/12/2023 số tiền 9.596.500đ.

Trần Thị T3 có hành vi Tổ chức đánh bạc trái phép bằng hình thức mua, bán số lô, số đề 01 lần với Phạm Thị T ngày 21/12/2023 với số tiền 25.111.450đ (như nêu trên); ngoài ra còn có 02 lần đánh bạc trái phép với Đỗ Văn H5 ngày 19/12/2023 số tiền 5.720.000đ và ngày 20/12/2023 với số tiền 5.750.000đ.

Nguyễn Bá H2 có 09 lần đánh bạc với Nông Văn M (như nêu trên), ngoài ra trong các ngày 19/11/2023, 21/11/2023, 22/11/2023, 23/11/2023, 12/12/2023, 14/12/2023 H2 có hành vi đánh bạc trái phép với Nguyễn Trung K2 06 lần với số tiền các lần là: 5.500.000đ, 12.400.000đ, 6.500.000đ, 6.400.000đ, 11.500.000đ, 12.600.000đ.

Hoàng Thị H7 có 02 lần đánh bạc với Nông Văn M (như nêu trên), ngoài ra ngày 20/12/2023, H7 đánh bạc trái phép với Lê Thị H số tiền 5.720.000đ.

Nguyễn Trung K2 trong các ngày 19/11/2023, 21/11/2023, 22/11/2023, 23/11/2023, 12/12/2023, 14/12/2023 06 lần có hành vi đánh bạc trái phép với Nguyễn Bá H2 có tổng số tiền đánh bạc của từng ngày lần lượt là: 5.500.000đ, 12.400.000đ, 6.500.000đ, 6.400.000đ, 11.500.000đ, 12.600.000đ.

Đỗ Văn H5 có hành vi đánh bạc trái phép với Trần Thị T3 ngày 19/12/2023 số tiền 5.720.000đ, ngày 20/12/2023 số tiền 5.750.000đ.

Lê Thị H có hành vi đánh bạc trái phép với Hoàng Thị H7 ngày 20/12/2023 số tiền 5.720.000đ.

Dương Công K1 có hành vi đánh bạc trái phép với Phạm Thị T ngày 10/12/2023 với số tiền là 5.280.000đ.

Trịnh Văn P1 có hành vi đánh bạc trái phép với Phạm Thị T ngày 21/12/2023 với số tiền 5.164.000đ.

Đặng Văn L2 có hành vi đánh bạc trái phép với Phạm Thị T ngày 21/12/2023 với số tiền 9.596.500đ.

Nguyễn Ngọc S có hành vi đánh bạc trái phép 02 lần với Phạm Thị T ngày 26/9/2023 với số tiền 12.320.000đ, ngày 28/9/2023 với số tiền 8.800.000đ.

Với hành vi trên, các bị cáo Nông Văn M, Phạm Thị T, Trần Thị T3 bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự và tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Lê Thị H, Dương Công K1, Nguyễn Trung K2, Nguyễn Bá H2, Nguyễn Ngọc S và Đỗ Văn H5 bị xét xử về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của các bị cáo:

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Lê Thị H nộp một Huân chương kháng chiến hạng ba của mẹ chồng là bà Phạm Thị C4; Bị cáo Đỗ Văn H5 đã nộp tiền phạt bổ sung là 10.000.000đ; bị cáo Nguyễn Ngọc S, Dương Công K1 đã nộp số tiền 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 10.000.000đ tiền phạt bổ sung, ngoài ra bị cáo S còn được Ban chấp hành đảng bộ phường Phố Cò tặng Giấy khen do đã có thành tích đóng góp ủng hộ cơ sở hạ tầng trên địa bàn phường năm 2024, bị cáo K1 được Chủ tịch UBND xã Đ tặng Giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống lụt bão năm 2024 và chung sức xây dựng nông thôn mới; Bị cáo Phạm Thị T đã nộp số tiền 70.000.000đ để đảm bảo thi hành án các khoản tiền phạt theo quyết định của bản án sơ thẩm; Bị cáo Trần Thị T3 đã nộp số tiền 8.127.000đ để thi hành án các khoản tiền phạt theo quyết định của bản án sơ thẩm; Bị cáo Nguyễn Bá H2 có ông ngoại là Lê Văn L4 được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất; Bị cáo Nguyễn Trung K2 có vợ là Dương Thị P được Công ty X tặng Giấy khen, có bà nội là bà Nguyễn Thị G2 tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, có ông ngoại của vợ là Liệt sĩ Phạm Văn Q1. Xác định đây là các tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm nên cho các bị cáo Lê Thị H, Đỗ Văn H5, Nguyễn Ngọc S, Phạm Thị T, Trần Thị T3, Nguyễn Bá H2, Dương Công K1 và Nguyễn Trung K2 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đỗ Văn H5 có 03 năm đạt danh hiệu thi đua cấp cơ sở nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo Nông Văn M, không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới.

Xét kháng cáo của bị cáo Nông Văn M kháng cáo xin giảm hình phạt. HĐXX xét thấy, tại cấp phúc thẩm bị cáo M không có thêm tình tiết giảm nhẹ

mới, Tòa án cấp sơ thẩm khi xem xét quyết định hình phạt đã xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, mức án Tòa án cấp sơ đã tuyên là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Nông Văn M.

Đối với các bị cáo Phạm Thị T, Trần Thị T3, Nguyễn Ngọc S tại cấp phúc thẩm các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy, có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, áp dụng chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật, giảm một phần hình phạt đối với tội “Tổ chức đánh bạc” cho các bị cáo T, T3, giảm hình phạt đối với tội “Đánh bạc” cho bị cáo S vẫn đảm bảo tác dụng cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét kháng cáo của các bị cáo Lê Thị H, Dương Công K1, Nguyễn Trung K2, Nguyễn Bá H2, Đỗ Văn H5 kháng cáo xin hưởng án treo. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo H, K2, H2, H5, K1 đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo H5 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, các bị cáo Nguyễn Trung K2, Nguyễn Bá H2 chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, trong khi các bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do đó, căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo thì các bị cáo Nguyễn Trung K2, Nguyễn Bá H2 không có đủ điều kiện được hưởng án treo, do vậy không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo K2, H2.

Đối với các bị cáo Đỗ Văn H5, Lê Thị H, Dương Công K1 có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tại cấp phúc thẩm các bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Ngoài ra, các bị cáo đều có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật, việc cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo, không gây nguy hiểm cho xã hội, không làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Văn H5, Lê Thị H, Dương Công K1.

[4]. Về án phí: Kháng cáo của các bị cáo Lê Thị H, Đỗ Văn H5, Nguyễn Ngọc S, Phạm Thị T, Trần Thị T3, Dương Công K1 được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của các bị cáo Nông Văn M, Nguyễn Trung K2, Nguyễn Bá H2 không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1.** Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nông Văn M, Nguyễn Trung K2, Nguyễn Bá H2 giữ nguyên hình phạt theo quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2025/HS-ST ngày 22/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Thái Nguyên) đối với hình phạt của các bị cáo.

1.1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn M 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn M 18 (mười tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nông Văn M phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là: 48 (bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 24/12/2023 đến ngày 29/12/2023.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá H2 16 (mười sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung K2 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

**2.** Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị H, Đỗ Văn H5, Nguyễn Ngọc S, Phạm Thị T, Trần Thị T3, Dương Công K1 sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2025/HS-ST ngày 22/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Thái Nguyên) như sau :

2.1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị T 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị T 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Phạm Thị T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2.2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị T3 12 (mười hai) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị T3 10 (mười) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trần Thị T3 phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 22 (hai mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn H5 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội "Đánh bạc". Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường S, tỉnh Thái Nguyên quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị H 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội "Đánh bạc". Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Thái Nguyên quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.6. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Công K1 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội "Đánh bạc". Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thái Nguyên quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành

vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp với hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

**3. Về án phí:** Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Lê Thị H, Đỗ Văn H5, Nguyễn Ngọc S, Phạm Thị T, Trần Thị T3, Dương Công K1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Nông Văn M, Nguyễn Trung K2, Nguyễn Bá H2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

**4.** Ghi nhận bị cáo Đỗ Văn H5 đã nộp số tiền phạt bổ sung là 10.000.000đ (mười triệu đồng) theo biên lai số 0001236, ngày 28/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công (nay là Phòng Thi hành án dân sự 2 – Thái Nguyên).

Ghi nhận bị cáo Trần Thị T3 đã nộp số tiền là 8.127.000đ (tám triệu một trăm hai mươi bảy nghìn đồng) để đảm bảo thi hành án theo biên lai số 0001255, ngày 12/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công (nay là Phòng Thi hành án dân sự 2 – Thái Nguyên).

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Ngọc S đã nộp tổng số tiền là 10.200.000đ (mười triệu hai trăm nghìn đồng chẵn), trong đó gồm: 10.000.000đ tiền phạt bổ sung và 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai số 0000039, ngày 15/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Ghi nhận bị cáo Phạm Thị T đã nộp số tiền là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) để đảm bảo thi hành án theo biên lai số 0000035, ngày 15/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Ghi nhận bị cáo Dương Công K1 đã nộp tổng số tiền là 10.200.000đ (mười triệu hai trăm nghìn đồng chẵn), trong đó gồm: 10.000.000đ tiền phạt bổ sung và 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai số 0000048, ngày 16/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Ghi nhận bị cáo Lê Thị H đã nộp tổng số tiền là 13.200.000đ (Mười ba triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn) để đảm bảo thi hành án theo biên lai thu tiền số 0001262, ngày 23/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công (nay là Phòng Thi hành án dân sự 2 – Thái Nguyên).

**5.** Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND khu vực 2;
- VKSND khu vực 2;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

**Đặng Minh Tuấn**